

Đọc sách

**"NGHIÊN CỨU NHỮNG VẤN ĐỀ XÃ HỘI"**

Nguyên bản tiếng Anh: THE STUDY OF SOCIAL PROBLEMS  
(SEVEN PERSPECTIVES)

Sixth edition. Earl Rubington & Martin S. Weinberg (ed.).  
Oxford University Press (New York), 2003. 366 pages.

**TÔ DUY HỢP\*** và **NGUYỄN VŨ QUỲNH ANH\*\***

Các nhà xã hội học từ lâu đã mong muốn có một cuốn sách trong đó các vấn đề xã hội được xem xét từ góc độ lý thuyết xã hội học. Những giảng viên giảng dạy về các vấn đề xã hội đã và đang tìm kiếm không chỉ là sự miêu tả mà hơn thế nữa, là sự lý giải mang tính xã hội học về các vấn đề xã hội khác nhau. Cuốn Nghiên cứu các vấn đề xã hội - 7 quan điểm (The Study of Social Problems - Seven perspectives) do Earl Rubington và Martin S. Weinberg chủ biên ra đời đã cung cấp cho các giảng viên, những nhà nghiên cứu các quan điểm và những lý giải mà họ tìm kiếm. Mục đích của cuốn sách này là chỉ ra những cách thức khác nhau mà các nhà xã hội học Mỹ đã xem xét các vấn đề xã hội từ đầu thế kỷ XX cho đến tận ngày nay. Các tác giả đã giới thiệu 7 quan điểm lý thuyết xã hội học về các vấn đề xã hội, đó là các quan điểm như: Bệnh học xã hội (Social Pathology), Phá tổ chức xã hội (Social Disorganization), Xung đột giá trị (Value Conflict), Hành vi lệch lạc (Deviant Behavior), Dán nhãn (Labelling), Phê phán (Critical Perspective), và Kiến tạo xã hội (Social Constructionism). Mỗi quan điểm trình bày những phương pháp khác nhau trong việc giải quyết sự "ủy thác kép" (dual mandate) như thế nào ("sự ủy thác kép" đề cập đến hai mục tiêu của xã hội học: giải quyết các vấn đề xã hội và phát triển xã hội học như một chuyên ngành khoa học). Mỗi quan điểm ở mức độ nào đó đều là những chủ đề cơ bản cho việc tư duy và nghiên cứu của một số nhà xã hội học. Điều này, hơn bất cứ điều gì khác, là lý do để cuốn sách này ra đời.

Mỗi quan điểm được đề cập đến trong từng chương của cuốn sách. Tất cả các chương được sắp xếp theo trật tự như sau: trước tiên là một trình bày vắn tắt lịch sử của quan điểm, trong đó nêu rõ bối cảnh và chặng đường của xã hội học Mỹ trong suốt quá trình từ khi quan điểm này xuất hiện và những đặc điểm cơ bản của nó, cụ thể là nó gắn với những ai và việc gì, nhà xã hội học nào có những đóng góp chủ yếu cho sự phát triển của quan điểm. Các tác giả sẽ cung cấp một bản tóm tắt về quan điểm - những nét đặc trưng liên quan đến định nghĩa, nguyên nhân, điều kiện, hậu quả và giải pháp cho các vấn đề xã hội. Sau đó, các tài liệu đọc thêm sẽ giải thích và minh họa cho quan điểm, tiếp đó là giới thiệu chọn lọc những ý kiến phê phán. Những câu hỏi thảo luận và những tham khảo chọn lọc cung cấp cho việc nghiên cứu và tìm tòi tiếp theo sẽ kết thúc mỗi chương. Đây là một khung khổ mà

\* GS.TS. Viện Xã hội học

\*\* Th.S. Viện Nghiên cứu con người

các tác giả hy vọng sẽ cung cấp một cái nhìn tổng quát song khá toàn diện về các vấn đề xã hội.

Cuốn sách bao gồm 9 chương được chia làm 3 phần. **Phần I - Vấn đề** (The Problem) gồm **Chương 1 - Các vấn đề xã hội và xã hội học** (Social Problems and Sociology). Phần này trình bày định nghĩa về vấn đề xã hội, sự phát triển của xã hội học Mỹ, Các quan điểm xã hội học về vấn đề xã hội. Có rất nhiều quan niệm về vấn đề xã hội, tuy nhiên qua phần trình bày của các tác giả, người đọc có thể phân biệt được khi nào một vấn đề được coi là vấn đề xã hội. Các nhà xã hội học thường xem vấn đề xã hội là *một tình trạng được viện cứ để cho là không phù hợp với các giá trị của một số lượng người quan trọng, những người đồng ý rằng hành động là cần thiết để thay đổi tình trạng đó* (an alleged situation that is incompatible with the values of a significant number of people who agree that action is needed to after the situation). Các nhà xã hội học đã đưa ra 7 quan điểm áp dụng cho việc nghiên cứu các vấn đề xã hội. Mỗi quan điểm là một cách thức để xem xét các sự vật và hiện tượng. Nó có một tư tưởng định hướng cơ bản, từ đó có thể thao tác các khái niệm và phân tích, và nó phản ánh một tập hợp ý tưởng và sự thừa nhận riêng biệt liên quan đến bản chất của con người và xã hội.

**Phần II - Các quan điểm** (The Perspectives) bao gồm 7 chương (từ chương 2 đến chương 8). Trong phần này, các tác giả lần lượt giới thiệu 7 quan điểm lý thuyết xã hội học về các vấn đề xã hội, mỗi quan điểm tương ứng với một chương. **Chương 2 - Quan điểm Bệnh học Xã hội**, giới thiệu khái niệm vấn đề xã hội, nguồn gốc quan điểm Bệnh học xã hội, đặc điểm và những thay đổi của nó. Đối với những nhà sáng lập ra quan điểm này, họ đưa ra một công thức dưới dạng một mô hình y tế (medical model), liên quan đến tập hợp các vấn đề xã hội như là hành động của những người đang bị "bệnh" (sick) - đó là những người có khiếm khuyết, những kẻ phạm pháp hoặc những người sống dựa vào người khác. Tại thời điểm đó, những nhà xã hội học này cũng rất bất bình về những người giữ vị trí lãnh đạo trong kinh doanh, trong công nghiệp và trong chính phủ, quy cho họ có nhiều hành động xấu xa như sự đồi bại, tính tham lam, tham nhũng và lợi dụng quyền lực. Theo quan điểm Bệnh học xã hội, vấn đề xã hội được coi là sự vi phạm những mong đợi về mặt đạo đức. Hậu quả của chúng được xem là sự thất bại về xã hội hoá với sự góp mặt trước hết của gen di truyền và sau đó là môi trường xã hội. Kết quả của thất bại này là sự xói mòn về đạo đức. Về bản chất, các cá nhân có thể là tốt nhưng tổ chức của họ lại có thể là xấu. Những người theo quan điểm Bệnh học xã hội xem giải pháp để "chữa trị" tổ chức như là sự thay đổi về giá trị của con người. Vì vậy, theo quan điểm này, giải pháp duy nhất đối với các vấn đề xã hội là sự giáo dục về đạo đức.

**Chương 3 - Quan điểm Phá Tổ chức Xã hội** (Social Disorganization). Nội dung của chương này tập trung vào các vấn đề của xã hội, các vấn đề về kỷ luật, sự khác nhau giữa quan điểm Bệnh học xã hội và quan điểm Phá tổ chức xã hội, đặc điểm của quan điểm Phá tổ chức xã hội, và những nhà lý luận chính của quan điểm này.

Trong giai đoạn phát triển tiếp theo của xã hội học Mỹ, các nhà xã hội học đã tập trung vào các quy tắc xã hội hơn là vào các cá nhân trong việc nghiên cứu các vấn đề xã hội. Với họ, việc phá tổ chức xã hội theo sau sự suy giảm ảnh hưởng của các quy tắc đối với cá nhân. Khi thiếu vắng các quy tắc hay quy tắc không rõ ràng, hoặc xung đột với nhau thì các vấn đề xã hội nảy sinh. Phá tổ chức xã hội chứng tỏ sự thất bại của các quy tắc. Biến đổi xã hội được xem là nguyên nhân, và những thay đổi về công nghệ, nhân khẩu học và văn hóa được xem như là những điều kiện thúc đẩy. Việc phá tổ chức xã hội gây ra sự mất cân bằng của hệ thống xã hội. Giải pháp cho vấn đề này là đưa hệ thống xã hội trở về trạng thái cân bằng.

**Chương 4 - Quan điểm Xung đột Giá trị (Value Conflict):** Giới thiệu các nhà lý luận về Xung đột, công thức của quan điểm Xung đột giá trị, đặc điểm của quan điểm này. Xung đột luôn được đề cập đến trong tư tưởng của các nhà xã hội học Mỹ và châu Âu, nhưng khi các nhà xã hội học Mỹ tìm cách phát triển xã hội học như một khoa học, họ bắt đầu tập trung vào trật tự xã hội mà dường như bỏ quên xung đột như một yếu tố cơ bản của đời sống xã hội và là một thành tố quan trọng của rất nhiều các vấn đề xã hội. Theo quan điểm này, vấn đề xã hội được xem là phát sinh từ sự xung đột về giá trị. Sự cạnh tranh và những cách thức liên hệ đặc biệt trong các nhóm là điều kiện phát triển xung đột. Xung đột giá trị thường dẫn đến phân cực nhóm và phân loại các giá trị. Giải pháp ở đây là sử dụng quyền lực, thương lượng hoặc đạt được sự đồng thuận.

**Chương 5 - Quan điểm Hành vi Lệch lạc (Deviant Behavior):** Có trọng tâm là những vấn đề: nhấn mạnh tư duy xã hội học, nguồn gốc trong lý thuyết kinh điển, sự phát triển của lý thuyết Lệch chuẩn, sự phát triển của lý thuyết về sự liên hiệp có phân biệt, đặc điểm của quan điểm Hành vi lệch lạc. Định đề chính của quan điểm này là xu hướng hành vi lệch lạc luôn được học hỏi trong phạm vi nhóm sơ cấp. Nó tạo ra sự xã hội hóa không phù hợp, tạo ra các mô hình giá trị và mô hình vai trò lệch lạc. Giải pháp của nó nằm trong việc tăng cường các mối quan hệ sơ cấp với các mô hình vai trò hợp pháp, và giảm thiểu (nếu không loại trừ hoàn toàn) cơ hội và sự tiếp xúc với các mô hình vai trò lệch lạc.

**Chương 6 - Quan điểm Dán nhãn (Labelling)** tập trung vào: Trọng tâm và những mối quan tâm của quan điểm Dán nhãn, quy tắc và các vấn đề của nó, nguồn gốc triết học của quan điểm Dán nhãn, những người sáng lập quan điểm Dán nhãn, và đặc điểm của quan điểm Dán nhãn. Quan điểm này bắt nguồn từ sự tương tác biểu trưng (symbolic interactionism). Các nhà xã hội học thuộc quan điểm này tập trung vào người đưa ra vấn đề, những điều kiện trong đó một cá nhân hay một tình huống được gắn nhãn là khó giải quyết, và xem xét kết quả của việc dán nhãn này. Điều kiện tác động đến quá trình dán nhãn là các mối liên hệ quyền lực và những lợi ích đạt được từ việc dán nhãn. Giải pháp mà quan điểm dán nhãn đưa ra là thay đổi việc xác định vấn đề và loại trừ những lợi ích của việc dán nhãn.

**Chương 7 - Quan điểm Phê phán** (Critical Perspective): Tư tưởng chính của quan điểm Phê phán, nguồn gốc xã hội của quan điểm Phê phán, đặc điểm của quan điểm Phê phán là những nội dung chính mà các tác giả muốn trình bày với bạn đọc. Các cuộc khủng hoảng, sự bất an và những biến động dường như xảy ra thường xuyên trong các xã hội công nghiệp, đô thị và hiện đại. Những giai đoạn khủng hoảng này yêu cầu có câu trả lời từ các thành viên của xã hội. Chúng phản ứng lại trật tự của xã hội và tác động đến các quan điểm đang thịnh hành về các vấn đề xã hội. Ở những quốc gia như Đức, Anh và Mỹ, các cơ quan nghiên cứu về các vấn đề xã hội được thành lập với nhiều tên gọi khác nhau. Chúng phát triển trong sự phản đối mạnh mẽ của xã hội tư bản và của nền văn hóa mà coi các vấn đề xã hội như là bệnh dịch của xã hội tư bản. Vì vậy, nguyên nhân trước tiên tập trung vào phân loại địa vị thống trị và sự xung đột: những người chiếm ưu thế tiếp tục nắm giữ những cái họ có và tiếp tục duy trì chúng. Sự xung đột xuất phát từ việc chiếm ưu thế tạo ra bất bình đẳng xã hội, theo đó người giàu càng giàu thêm và người nghèo càng nghèo đi. Giải pháp duy nhất cho các vấn đề xã hội ở đây là đối với các xã hội tư bản tiên tiến, giai cấp công nhân chiến thắng trong cuộc đấu tranh giai cấp và mở ra một chủ nghĩa xã hội thực sự, nơi mà xã hội không có giai cấp.

**Chương 8 - Quan điểm Kiến tạo Xã hội** (Social Constructionism) đề cập đến Quan điểm Dán nhãn, nguồn gốc của quan điểm Kiến tạo xã hội, sự phát triển và thay đổi của quan điểm Kiến tạo, đặc điểm của quan điểm Kiến tạo. Dù đã nhiều năm nghiên cứu các vấn đề xã hội, các nhà xã hội học vẫn chưa xây dựng được một lý thuyết thống nhất về chúng. Họ thất bại bởi vì hoặc họ chấp nhận những định nghĩa thông thường ("cái mà tất cả mọi người đều biết") hoặc họ là "các chuyên gia" quyết định những tình trạng nào bị coi là các vấn đề xã hội. Sự phê phán này là nguồn gốc của quan điểm kiến tạo. Những tình trạng phức tạp tồn tại khi có những điều kiện khách quan, nhưng một định nghĩa chủ quan về "vấn đề xã hội" thì vẫn chưa có. Những trường hợp này là nguồn gốc nảy sinh các câu hỏi của những người theo quan điểm kiến tạo. Người ta phải làm gì để tạo ra một tình trạng bị coi là "vấn đề xã hội"? Câu trả lời là người ta phải hành động trong tình trạng đó, có nghĩa là một số người phải đi tiên phong và "đưa ra những yêu sách" (claims-makers). Có lẽ đóng góp có ý nghĩa nhất của quan điểm này đó là khuyến khích việc tìm tòi chỉ ra cách thức một vấn đề trở thành vấn đề xã hội như thế nào nhưng họ ít đề cập đến cách thức giải quyết các vấn đề xã hội đó.

**Phần III - Các triển vọng**, gồm có *Chương 9 - Tổng quan Xã hội học về các Quan điểm* tổng kết 7 quan điểm, khả năng áp dụng của từng quan điểm đối với một số loại vấn đề xã hội.

Nhìn chung, mỗi quan điểm có một điểm nhấn riêng: quan điểm Bệnh học xã hội tập trung vào **các cá nhân** (persons); quan điểm Phá tổ chức xã hội nhấn mạnh **các quy tắc** (rules); quan điểm Xung đột giá trị xem xét **các giá trị và lợi ích** (values and interests); quan điểm Hành vi lệch lạc nhấn mạnh **các vai trò** (roles);

quan điểm Dán nhãn nghiên cứu *các phản ứng xã hội* (social reactions); quan điểm Phê phán tập trung vào *các quan hệ giai cấp* (class relations); và quan điểm Kiến tạo tập trung vào *quá trình tạo ra yêu sách* (claims-making process).

*“Uy thế của quan điểm kiến tạo trong việc nghiên cứu các vấn đề xã hội cho thấy một quan niệm đầy đủ hơn về những vấn đề giữa thuyết quyết định xã hội và thuyết nhân tố con người. Nhưng không chắc rằng sự đề cao nhân tố con người thuần túy sẽ đánh bại thuyết quyết định cực đoan. Sự tổng hợp 2 quan điểm này có vẻ phù hợp hơn. Và nếu điều đó xảy ra, có thể một quan điểm khác về các vấn đề xã hội sẽ xuất hiện”* (Sđd, tr. 363 - 364).

Nhận định trên cho thấy 7 quan điểm lý thuyết xã hội học Mỹ về các vấn đề xã hội tạo ra song đề lý thuyết (theoretical dilemma) giữa một bên là các lý thuyết theo quyết định luận xã hội (social determinism) như: 1/ Bệnh học xã hội, 2/ Phá tổ chức xã hội, 3/ Phê phán và bên kia là các lý thuyết theo quan điểm đề cao nhân tố con người (Human Agency) như: 1/ Xung đột giá trị, 2/ Hành vi lệch chuẩn, 3/ Dán nhãn. Lịch sử xã hội học Mỹ là lịch sử thấu hiểu và hóa giải song đề lý thuyết này về các vấn đề xã hội. Và người ta đã bắt đầu tổng - tích hợp hạt nhân hợp lý của các quan điểm lý thuyết vừa cạnh tranh vừa hợp tác với nhau nêu trên trong một quan điểm mới, đó là quan điểm kiến tạo xã hội. Tuy nhiên, đúng như các tác giả của cuốn sách đã thừa nhận: quá trình này còn phải được tiếp diễn; bởi vì quan điểm kiến tạo xã hội về thực chất vẫn theo truyền thống tự do Mỹ, **ĐỀ CAO TỰ DO (CÁ NHÂN) HƠN CỘNG ĐỒNG (XÃ HỘI)**. Nếu đối chiếu với song đề triết học xã hội thì song đề lý thuyết nêu trên trong xã hội học Mỹ chỉ là biểu hiện cụ thể của song đề lý thuyết tổng quát hơn, đó là song đề giữa Holism (Chủ thuyết toàn thể hay tập thể) hoặc/và Individualism (Chủ thuyết cá thể hay cá nhân). Theo quan điểm lý thuyết khinh - trọng thì việc thấu hiểu và hóa giải song đề lý thuyết tổng quát này sẽ phải diễn ra với các khung mẫu cơ bản sau đây:

1. Theo khung mẫu phân biệt khinh - trọng tập thể/cá nhân;

1.1. Theo các khung mẫu phân biệt khinh - trọng thái quá: hoặc là Duy tập thể hoặc là Duy cá nhân, tạo ra sự đối đầu, đối kháng giữa chủ nghĩa tập thể và chủ nghĩa cá nhân (hay giữa chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa tư bản);

1.2. Theo các khung mẫu phân biệt khinh - trọng có mức độ: hoặc là Trọng tập thể hơn cá nhân hoặc là Trọng cá nhân hơn tập thể, không tạo ra sự đối cực (theo nguyên tắc được cái này mất cái kia) mà chỉ tạo ra sự đối trọng (theo nguyên tắc hơn cái này thiệt cái kia), nghĩa là vừa cạnh tranh vừa hợp tác giữa chủ nghĩa tập thể và chủ nghĩa cá nhân (hay giữa chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa tư bản);

2. Theo các khung mẫu không phân biệt khinh - trọng tập thể/cá nhân với những mức độ cao - thấp khác nhau, trong đó có thể có tình trạng cân bằng theo nghĩa 50/50;

3. Theo khung mẫu không có vấn đề phân biệt khinh - trọng, có thể là do chưa xuất hiện nan đề “tập thể hoặc/và cá nhân” hay cũng có thể là do người ta đã thoát

ra khỏi vấn đề “tập thể - cá nhân” để chuyển sang các vấn đề khác;

4. Sự phân biệt/không phân biệt khinh - trọng tập thể/cá nhân không nhất thành bất biến mà có thể và phải điều chỉnh hoặc thay đổi khinh - trọng một cách thích hợp với hoàn cảnh khách quan và dự án riêng tư. Sự điều chỉnh hoặc thay đổi khinh - trọng tập thể/cá nhân có thể được thực hiện một cách liên tục hoặc gián đoạn, đơn tuyến hoặc đa tuyến, tuyến tính hoặc phi tuyến tính.

**Tóm lại**, 7 quan điểm lý thuyết xã hội học Mỹ, đặc biệt là quan điểm mới về kiến tạo xã hội bởi tính năng động của các cá nhân tự do suy nghĩ và hành động đã có đóng góp quan trọng vào kho tàng lý thuyết xã hội học về các vấn đề xã hội; tuy nhiên vẫn còn nhiều thiếu sót và hạn chế. Và nhiệm vụ của giới xã hội học ngày nay là tiếp tục phát triển hệ quan điểm nêu trên theo cả 2 hướng: 1/- Hoàn thiện khung lý thuyết về các vấn đề xã hội; 2/- Vận dụng thành công các quan điểm lý thuyết hiện đại để nghiên cứu, giải quyết thành công các vấn đề xã hội nảy sinh và nan giải trong đổi mới và hội nhập quốc tế của Việt Nam ngày nay./.